TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG** Số: 35/2020/QĐST- DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Đà Lạt, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy:

[1] Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2015/DS-ST ngày 30-9-2015 của Tòa án nhân dân thành phố Đ thì vợ chồng ông Trần B, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.093.000.000 đồng. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H đã có đơn yêu cầu thi hành án đối với bản án trên. Do chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Trần B, bà Nguyễn Thị L trong khối tài sản chung, vì vậy bà Nguyễn Thị H đã khởi kiện và ngày 05-5-2017 Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tiến hành thụ lý vụ án về việc *" Tranh chấp xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án"* theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự thì: "*Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải Thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.*

Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự

Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần

quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.

Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án"

Qúa trình giải quyết vụ án, theo Biên bản xác minh ngày 13-11-2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Đ thể hiện rằng chấp hành viên chưa thông báo cho người phải thi hành án *(ông Trần B, bà Nguyễn Thị L)* và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất *(bà Trần Thị C, bà Trần Thị H)* biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự theo đúng quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự. Tuy nhiên, ngày 16-5-2016 chấp hành viên lại ban hành ngay Thông báo số 398/TB-CCTHA để thông báo cho bà Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện là không đúng với quy định tại đoạn 2 và đoạn 3 khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự; dựa theo thông báo này, bà Nguyễn Thị H khởi kiện và ngày 05-5-2017 Tòa án nhân dân thành phố Đ đã tiến hành thụ lý vụ án về việc *"Tranh chấp xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án"* là không phù hợp, bởi vì trường hợp này bà Nguyễn Thị H khởi kiện là chưa đủ điều kiện như vừa phân tích. Lẽ ra, trường hợp này khi tiếp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì Tòa án cần căn cứ theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự *(Chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật)* để trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho người khởi kiện mới đúng. Nay vì Tòa án đã thụ lý vụ án, nhưng qua xác minh mới phát hiện ra sự việc chấp hành viên chưa thực hiện việc thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, vậy nên căn cứ theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H mới bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị C về *"Tranh chấp di sản thừa kế"* với ông Trần B. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 20-11-2019 tại Tòa án thì bà Trần Thị C cam kết sẽ làm đơn yêu cầu kiểm tra, đo vẽ hiện trạng *(xem xét, thẩm định tại chỗ)* và chịu trách nhiệm nộp chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau thời hạn 30 ngày thì bà Trần Thị C không thực hiện nghĩa vụ. Ngày 26-02-2020 Tòa án đã ban hành Thông báo số 117/TB-TA về việc làm đơn yêu cầu và nộp chi phí tố tụng nhằm ấn định cho bà Trần Thị C trong hạn 07 ngày phải thực hiện nghĩa vụ làm đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ hiện trạng và nộp tạm ứng chi phí

tố tụng, đồng thời tống đạt hợp lệ cho bà Trần Thị C thông báo trên, tuy nhiên sau thời hạn 07 ngày thì bà Trần Thị C vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Trần Thị C đến Tòa án làm việc để lấy lời khai liên quan đến yêu cầu khởi kiện nhưng bà Trần Thị C nhiều lần vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, cần căn cứ theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Trần Thị C.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 66/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc *"Tranh chấp xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án; Tranh chấp di sản thừa kế"* giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: số 45/13 Nguyễn Công Trứ, phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: vợ chồng ông Trần B, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; địa chỉ: số 27/36 Thái Phiên, phường 12, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị C, sinh năm 1957; địa chỉ: 98 A đường Nguyễn Thái Bình, phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: số 27 B Ngô Gia Tự, phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị Trần Thị Bích P, sinh năm 1989.

- Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1991.

- Chị Trần Thị Kiều O, sinh năm 1993.

- Chị Trần Thị Thu T, sinh năm, 1996.

- Anh Trần Hữu P, sinh năm 1998.

- Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 2001.

- Anh Mai Văn K, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: số 27/36 Thái Phiên, phường 12, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

2.1. Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vụ án dân sự này, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều

192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2.2. Về tạm ứng án phí: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 28.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008332 ngày 05-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

2.3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo vẽ hiện trạng sử dụng đất và định giá tài sản hết số tiền 25.880.000 đồng. Do vụ án đình chỉ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 157, khoản 5 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì người yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền số tiền 25.880.000 đồng trên. Số tiền này bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng và được quyết toán xong.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Hoàn